

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày: 22-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- T ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh Thương mại sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST-KDTM ngày 29/7/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-KDTM ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 198, đường T, phường L, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H – Chức vụ: Phó trưởng phòng Ngân hàng T – Chi nhánh B, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn K Việt Nam.

Địa chỉ: Số 9-11, đường D, phường 12, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Thống N – Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn K Việt Nam (là người đại diện theo pháp luật).
Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Thống N, sinh năm 1982
2. Bà Vũ Thái T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: 10/7B, đường Q, phường 8, quận G, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T là ông Nguyễn Khánh H trình bày:

Ngân hàng T - Chi nhánh B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam có ký kết các Hợp đồng tín dụng để vay tiền, cụ thể dưới đây:

Hợp đồng thứ nhất: Ngày 04/01/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam có vay của Ngân hàng T - Chi nhánh B số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 001A19/HM. Lãi suất theo hợp đồng là 6%/năm; Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng số 001A19/HM. Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời gian trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ.

Hợp đồng thứ hai: Ngày 04/01/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam có vay của Ngân hàng T - Chi nhánh B số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL. Lãi suất theo hợp đồng là 6%/năm. Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn giải ngân vốn cho vay tối đa: 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng số 001A19/TL. Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời gian trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ.

Hợp đồng thứ ba: Ngày 29/01/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam có vay của Ngân hàng T - Chi nhánh B số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM. Lãi suất theo hợp đồng là 6%/năm. Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng số 005A18/HM. Thời hạn cho vay: 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời gian thanh toán nợ lãi trả vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ.

Ngày 20/06/2018, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam và Ngân hàng T - Chi nhánh B đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/005A18/HM để sửa đổi số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) xuống còn 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung là 9,7%/năm.

Hợp đồng thứ tư: Ngày 20/06/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam có vay của Ngân hàng T - Chi nhánh B số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 006C18/BBD. Lãi suất áp dụng theo chương trình lãi suất cố định, cố định 3 năm, áp dụng trong tháng

6/2018 là 9,4%/năm. Sau thời gian này áp dụng lãi suất cho vat kinh doanh VNĐ trung hạn dành cho Khách hàng bán buôn theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay là: Thanh toán chi phí mua dây chuyền chế biến cà phê. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn giải ngân vốn cho vay tối đa: 01 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Thời gian thanh toán nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc: 06 tháng/lần.

Tài sản để bảo đảm cho các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 158, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 588092, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp ngày 03/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N và bà Vũ Thái T theo hợp đồng thế chấp số 042TT18 ký ngày 29/01/2018, thửa đất tọa lạc tại số 23/30/23C đường số 21, phường 8, quận G, thành phố H;

- Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số: 51A-680.43; xe ô tô con nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51A-453.73 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 043TC18 ngày 17/01/2018 giữa Ngân hàng T - Chi nhánh B với ông Huỳnh Thống N và bà Vũ Thái T.

- Máy móc thiết bị bao gồm dây chuyền sản xuất cà phê theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329TC18 ký ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng T - Chi nhánh B và Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam.

Sau khi thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 506.502.400 đồng thì kể từ tháng 4/2019 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cụ thể như sau:

1. Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T tính đến hết ngày 22/4/2021 với tổng số tiền là 9.480.605.753 đồng (Chín tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, bảy trăm năm mươi ba đồng), bao gồm:

* *Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 001A19/HM ngày 04/01/2019:*

- Nợ gốc: 1.605.560.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 327.296.705 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ năm đồng).

- Lãi chậm trả: 146.982.541 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai ngàn năm trăm bốn mươi một đồng).

* *Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 002A19/TL ngày 04/01/2019:*

- Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Lãi trong hạn: 203.852.054 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi bốn đồng).

- Lãi chậm trả: 94.810.418 đồng (Chín mươi bốn triệu tám trăm mười ngàn bốn trăm mười tám đồng).

* *Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018:*

Dư nợ gốc: 393.457.600 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu. bốn trăm năm mươi bảy ngàn. sáu trăm đồng).

Lãi trong hạn: 81.971.729 đồng (Tám mươi một triệu chín trăm bảy mươi một ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng).

Lãi chậm trả: 39.046.625 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

* *Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018:*

- Dư nợ gốc: 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

- Lãi trong hạn: 979.569.863 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng).

- Lãi chậm trả: 107.968.493 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng).

2. Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 001A19/HM ngày 04/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số 002A19/TL ngày 04/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018, hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/006C18/BBD ngày 21/06/2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam trả hết nợ gốc cho Ngân hàng T.

3. Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng T thông qua Ngân hàng T - Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Huỳnh Thống N, bà Vũ Thái T thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 042TT18 ngày 29/01/2018 và hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 043TC18 ngày 17/01/2018, hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329TC18 ngày 20/06/2018 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T thông qua Ngân hàng T- Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Theo Bản tự khai ngày 14/9/2020 người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Thống N trình bày:

Giữa Ngân hàng T và Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam có ký kết các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng cấp tín dụng số 001A19/HM ngày

04/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số 002A19/TL ngày 04/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018, hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/006C18/BBD ngày 21/06/2018, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 001A19/HM ngày 04/01/2019, cụ thể như sau: Trị giá hợp đồng: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Dư nợ gốc: 1.605.560.000 đồng; Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng số 001A19/HM; Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Thời gian thanh toán: Nợ lãi: trả vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc: vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ

- Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 002A19/TL ngày 04/01/2019, cụ thể như sau: Trị giá hợp đồng: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Nhận nợ: 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn giải ngân vốn cho vay tối đa: 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng số 002A19/TL. Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời gian thanh toán: Nợ lãi: trả vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc: vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ.

- Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018, cụ thể như sau: Trị giá hợp đồng: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng). Tuy nhiên, ngày 20/6/2018 hai bên ký kết lại hợp đồng sửa đổi bổ sung để điều chỉnh lại hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018, giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng số 005A18/HM. Thời hạn cho vay: 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời gian thanh toán: Nợ lãi: trả vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc: Định kỳ vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ. Hiện đã thanh toán nhiều lần và số tiền nợ gốc còn nợ là 393.457.600 đồng.

- Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018, cụ thể như sau: Trị giá hợp đồng: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Dư nợ hiện tại: 4.500.000.000 đồng. Mục đích vay là: Thanh toán chi phí mua dây chuyền chế biến cà phê. Thời hạn giải ngân vốn cho vay tối đa: 01 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng số 006C18/BBD. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời gian thanh toán: Nợ lãi: trả vào ngày 26 hàng tháng. Thời gian trả nợ gốc: Định kỳ vào ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ.

Tổng số tiền nợ gốc theo các hợp đồng trên mà công ty đã vay là: 7.499.017.600 đồng. Hiện tại bị đơn còn nợ của nguyên đơn bao gồm: Nợ gốc: 7.499.017.600 đồng; Lãi trong hạn: 1.012.021.912 đồng; Lãi phạt: 183.451.526 đồng; Tổng là 8.694.491.038 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông N và vợ là Vũ Thái T có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 042TT18 ngày 29/01/2018 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 043TC18 ngày 17/01/2018, tài sản bảo đảm của Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329TC18 ngày 20/6/2018.

Tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 158, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV588092, do Ủy ban nhân dân quận G, thành phố H cấp ngày 01/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N, tọa lạc tại 23/30/23C đường số 21, phường 8, quận G, thành phố H, là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh Thống N và vợ là bà Vũ Thái T.

- Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số 51A-680.43, là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh Thống N và vợ là bà Vũ Thái T;

- Xe ô tô con nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51 A-453.73, là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh Thống N và vợ là bà Vũ Thái T.

- Máy móc thiết bị bao gồm: 01 dây chuyền sản xuất cà phê Capsule, 01 dây chuyền sản xuất cà phê phin giấy, 01 máy rang cà phê tự động, 02 máy cấp liệu, 01 máy xay cà phê tự động, 06 băng chuyền tải tự động, là tài sản của Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 8.694.491.038 đồng bao gồm nợ gốc, tiền lãi phát sinh thì ông N đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh và đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày ở trên và cung cấp thêm bản phô tô các giấy nhận nợ (có đóng dấu treo của Ngân hàng) đề ngày 07/01/2019, 08/01/2019, 21/6/2018, 09/01/2019, 08/01/2019, 15/02/2019, 18/02/2019 và 04/01/2019 kèm theo các Ủy Nhiệm Chi; biên bản định giá tài sản bảo đảm; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 29/01/2018, được văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H chi nhánh quận G xác nhận ngày 30/01/2018, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51A-680.43 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51 A-453.73.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, đồng thời không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. T ký tuân theo các Điều 51 và 237 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án và trong quá giải quyết, nguyên đơn tuân theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, vi phạm quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch đảm bảo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T – Chi nhánh B đối với Công ty TNHH K Việt Nam, buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng T – Chi nhánh B và Công ty TNHH K Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng T khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cả nguyên đơn và bị đơn đều có tư cách pháp nhân, và đều nhằm mục đích kinh doanh hướng đến lợi nhuận (phía bị đơn vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh). Căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Tòa án xác định đây là vụ án kinh doanh Tổng mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019 tại mục 11.2 Điều 11 hai bên có thỏa thuận nội dung: “ *trường hợp các bên không Thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng T – Chi nhánh B có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện*”. Đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh Ngân hàng T và các bên thực hiện ký hợp đồng tín dụng tại trụ sở Ngân hàng T – Chi nhánh B, địa chỉ tại phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Huỳnh Thống N và bà Vũ Thái T. Tuy nhiên ông N và bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam và Ngân hàng T – Chi nhánh B có ký kết các Hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng T – Chi nhánh B tổng số tiền nợ gốc là 8.005.560.000 đồng (tám tỷ không trăm linh năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Mục đích vay là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bị đơn. Điều này được chứng minh qua các Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 006C18/BBD ngày 20/06/2018 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam và Ngân hàng T - Chi nhánh B và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 042TT18 ký ngày 29/01/2018, công chứng, chứng thực ngày 29/01/2018, được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh quận Gò Vấp ngày 30/01/2018. Điều này được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày và được người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận trong quá trình tham gia tố tụng và không có bên nào phản đối nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày

04/01/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 006C18/BBD ngày 20/06/2018 được ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam và Ngân hàng T - Chi nhánh B có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Trong quá trình tham gia tố tụng, phía nguyên đơn Ngân hàng T - Chi nhánh B đã cung cấp được các giấy nhận nợ và ủy nhiệm chi, có nội dung thể hiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam đã nhận số tiền được tổng số tiền giải ngân là 8.005.560.000 đồng (tám tỷ không trăm linh năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo các giấy nhận nợ đề ngày 07/01/2019, 08/01/2019, 21/6/2018, 09/01/2019, 08/01/2019, 15/02/2019, 18/02/2019 và 04/01/2019 và kèm theo các Ủy Nhiệm Chi theo các giấy nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn tổng số tiền 506.502.400 đồng (theo lịch trả nợ). Như vậy, theo nội dung hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì phía Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam phải thanh toán nợ cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nhưng đến hạn phía bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 7.499.017.600 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu về thanh toán tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trong hạn tính đến hết ngày 22/4/2021 là 1.591.888.980 đồng và tiền lãi phạt chậm trả tính đến hết ngày 22/4/2021 là 389.699.173 đồng. Tổng cộng là 1.981.588.153 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi phát sinh, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc quá hạn, đồng thời yêu cầu tính mức lãi suất quá hạn lãi quá hạn đối với toàn bộ số nợ gốc chưa thanh toán là 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ vào quy định tại Điều 3 của các Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019 đã ký kết thì toàn bộ khoản nợ gốc đã chuyển thành nợ quá hạn và lãi suất tính theo lãi quá hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc, mức lãi suất quá hạn theo các Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019 là bằng 150% mức lãi suất trong hạn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh trong hạn tính đến hết ngày 22/4/2021 là 1.591.888.980 đồng và tiền lãi phạt chậm trả tính đến hết ngày 22/4/2021 là 389.699.173 đồng. Tổng cộng là 1.981.588.153 đồng. Số tiền lãi này phù hợp với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019 đã được các bên ký kết. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh trong hạn tính đến hết ngày 22/4/2021 với số tiền lãi là 1.591.888.980 đồng và tiền lãi phạt chậm trả tính đến hết ngày 22/4/2021 là

389.699.173 đồng. Tổng cộng là 1.981.588.153 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể như sau:

* Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.605.560.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng) theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM: Tiền lãi phát sinh trong hạn được tính kể từ ngày 08/01/2019 đến 22/4/2021 là 334.078.704 đồng. Cụ thể:

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 350.280.000 đồng kể từ ngày 08/01/2019 đến 08/01/2019 là 01 ngày $\times 6\% = 57.580$ đồng

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 665.560.000 đồng kể từ ngày 09/01/2019 đến 14/02/2019 là 37 ngày $\times 6\% = 4.048.064$ đồng

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.145.560.000 đồng kể từ ngày 15/02/2019 đến 17/02/2019 là 03 ngày $\times 6\% = 564.934$ đồng

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.605.560.000 đồng kể từ ngày 18/02/2019 đến 10/4/2019 là 52 ngày $\times 6\% = 13.724.239$ đồng

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.605.560.000 đồng kể từ ngày 11/4/2019 đến 31/10/2019 là 204 ngày $\times 9.7\% = 87.043.346$ đồng

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.605.560.000 đồng kể từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày $\times 9.2\% = 24.686.035$ đồng

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.605.560.000 đồng kể từ ngày 01/01/2020 đến 22/4/2021 là 478 ngày $\times 9.7\% = 203.954.507$ đồng

Như vậy, tổng tiền lãi phát sinh trong hạn được tính kể từ ngày 08/01/2019 đến 22/4/2021 là 334.078.704 đồng. Được trừ đi số tiền lãi do bị đơn đã thanh toán là: 6.781.999 đồng. Số tiền lãi còn lại cần phải thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019 là 327.296.705 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ năm đồng).

* Tiền lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM: là 146.982.541 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai ngàn năm trăm bốn mươi một đồng). Cụ thể như sau:

- Đối với dư nợ 315.280.000 đồng:

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 09/05/2019 đến 31/10/2019 là 176 ngày; Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 478 ngày; Lãi suất phạt là 4.85%: $(315.280.000 \text{ đồng} \times (176+478) \times 4.85\%) / 365 = 27.398.264$ đồng.

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(315.280.000 \text{ đồng} \times 61 \times 4.6\%) / 365 = 2.423.769$ đồng.

- Đối với dư nợ 460.000.000 đồng:

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 18/06/2019 đến 31/10/2019 là 136 ngày. Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 478 ngày. Lãi suất phạt là 4.85%: $(460.000.000 \times (136+478) \times 4.85\%)/365 = 37.529.699$ đồng.

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(460.000.000 \times 61 \times 4.6\%)/365 = 3.536.329$ đồng.

- Đối với dư nợ 480.000.000 đồng:

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 17/06/2019 đến 31/10/2019 là 137 ngày. Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 478 ngày. Lãi suất phạt là 4.85%: $(480.000.000 \times (137+478) \times 4.85\%)/365 = 39.225.205$ đồng.

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(480.000.000 \times 61 \times 4.6\%)/365 = 3.690.082$ đồng.

- Đối với dư nợ 350.280.000 đồng:

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 08/05/2019 đến 31/10/2019 là 177 ngày. Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 478 ngày. Lãi suất phạt là 4.85%: $(350.280.000 \times (177+478) \times 4.85\%)/365 = 30.486.356$ đồng.

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(350.280.000 \times 61 \times 4.6\%)/365 = 2.692.837$ đồng.

* Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019 được tính kể từ ngày 07/01/2019 đến 22/4/2021 là 212.016.334 đồng. Cụ thể:

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 666.032.000 đồng kể từ ngày 07/01/2019 đến 07/01/2019 là 01 ngày $\times 6\% = 109.485$ đồng;

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 08/01/2019 đến 10/4/2019 là 93 ngày $\times 6\% = 15.287.671$ đồng;

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 11/4/2019 đến 31/10/2019 là 204 ngày $\times 9.7\% = 54.213.699$ đồng;

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày $\times 9.2\% = 15.375.342$ đồng;

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 01/01/2020 đến 22/4/2021 là 478 ngày $\times 9.7\% = 127.030.137$ đồng;

Như vậy, tổng tiền lãi phát sinh trong hạn được tính kể từ ngày 07/01/2019 đến 22/4/2021 là 212.016.334 đồng. Được trừ đi số tiền lãi đã thu là: 8.164.280 đồng. Số tiền lãi còn lại cần phải thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL tính đến hết ngày 22/4/2021 là 203.852.054 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi bốn đồng).

+ Lãi chậm trả: 94.810.418 đồng (Chín mươi bốn triệu tám trăm mười hai ngàn bốn trăm mười tám đồng). Cụ thể như sau:

+ Đối với dư nợ 333.968.000 đồng:

- Lãi phạt chậm trả từ ngày 08/05/2019 đến 31/10/2019 là 177 ngày. Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 478 ngày. Lãi suất phạt là 4.85%: $(333.968.000 \times (177+478) \times 4.85\%)/365 = 29.066.653$ đồng;

- Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(333.968.000 \times 61 \times 4.6\%)/365 = 2.567.436$ đồng;

+ Đối với dư nợ 666.032.000 đồng:

- Lãi phạt chậm trả từ ngày 07/05/2019 đến 31/10/2019 là 178 ngày. Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 478 ngày. Lãi suất phạt là 4.85%: $(666.032.000 \times (178+478) \times 4.85\%)/365 = 58.056.094$ đồng.

- Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(666.032.000 \times 61 \times 4.6\%)/365 = 5.120.235$ đồng.

* Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 393.457.600 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018. Cụ thể như sau:

+ Từ ngày 26/02/2019 đến 03/04/2019 là 37 ngày. Lãi suất là 9.7%/năm: $(394.440.000 \times 9.7\% \times 28)/365 = 3.878.480$ đồng.

+ Từ ngày 04/04/2019 đến 10/4/2019 là 07 ngày. Lãi suất là 9.7%/năm: $(393.457.600 \times 9.7\% \times 7)/365 = 731.939$ đồng

+ Từ ngày 11/4/2019 đến 31/10/2019 là 204 ngày. Từ ngày 01/01/2020 đến 22/04/2021 là 478 ngày. Lãi suất là 9.7%/năm: $(393.457.600 \times 9.7\% \times (204+478))/365 = 71.311.765$ đồng.

+ Từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất là 9.2%/năm: $(393.457.600 \times 9.2\% \times 61)/365 = 6.049.545$ đồng.)

- Lãi chậm trả: 39.046.625 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng). Cụ thể:

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 04/04/2019 đến 31/10/2019 là 211 ngày. Từ 01/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 478 ngày. Lãi suất phạt là 4.85%: $(393.457.600 \times (211+478) \times 4.85\%)/365 = 36.021.852$ đồng.

+ Lãi phạt chậm trả từ ngày 01/11/2019 đến 31/12/2019 là 61 ngày. Lãi suất phạt là 4.6%: $(393.457.600 \times 61 \times 4.6\%)/365 = 3.024.773$ đồng.

* Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018:

- Tiền lãi phát sinh trong hạn được tính kể từ ngày 26/02/2019 đến 22/4/2021 tổng cộng là 979.569.863 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng) được phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018. Cụ thể:

+ Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 26/02/2019 đến 10/4/2019 là 44 ngày $\times 9.4\% = 50.991.781$ đồng

- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 11/4/2019 đến ngày 20/6/2019 là 71 ngày $\times 9.6\% = 84.032.876$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 21/6/2019 đến 25/01/2020 là 219 ngày $\times 10.7\% = 288.900.000$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 26/01/2020 đến ngày 30/01/2020 là 05 ngày $\times 10.7\% = 6.595.890$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 31/01/2020 đến ngày 23/3/2020 là 53 ngày $\times 10.7\% = 69.916.438$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 24/3/2020 đến 13/4/2020 là 21 ngày $\times 10.5\% = 27.184.932$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 14/4/2020 đến 30/6/2020 là 78 ngày $\times 10.4\% = 100.010.959$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2020 đến ngày 07/10/2020 là 99 ngày $\times 9.9\% = 120.834.246$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 08/10/2020 đến ngày 03/12/2020 là 57 ngày $\times 9.7\% = 68.165.754$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 04/12/2020 đến ngày 28/01/2021 là 56 ngày $\times 9.5\% = 65.589.041$ đồng
- + Tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc 4.500.000.000 đồng kể từ ngày 29/01/2021 đến ngày 22/4/2021 là 84 ngày $\times 9.4\% = 97.347.946$ đồng

Như vậy, tổng tiền lãi phát sinh trong hạn phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018 tổng cộng là 979.569.863 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng).

- Lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018 là: 108.419.178 đồng. Cụ thể như sau:

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 500.000.000 đồng kể từ ngày 21/6/2019 đến 22/12/2019 là 185 ngày $\times 5.35\% = 13.558.219$ đồng ;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 23/12/2019 đến 23/3/2020 là 92 ngày $\times 5.35\% = 13.484.932$ đồng ;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 24/3/2019 đến 13/4/2020 là 21 ngày $\times 5.25\% = 3.020.548$ đồng ;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 14/4/2019 đến 21/06/2020 là 69 ngày $\times 5.2\% = 9.830.137$ đồng;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.500.000.000 đồng kể từ ngày 22/6/2019 đến 30/6/2020 là 09 ngày $\times 5.2\% = 1.923.288$ đồng;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.500.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2020 đến 07/10/2020 là 99 ngày $\times 4.95\% = 20.139.041$ đồng;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.500.000.000 đồng kể từ ngày 08/10/2020 đến 03/12/2020 là 57 ngày x 4.85%=11.360.959 đồng;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 1.500.000.000 đồng kể từ ngày 04/12/2020 đến 20/12/2020 là 17 ngày x 4.75%=3.318.493 đồng;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 2.000.000.000 đồng kể từ ngày 21/12/2020 đến 28/01/2021 là 39 ngày x 4.75%=10.150.685 đồng;

Tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc 2.000.000.000 đồng kể từ ngày 29/01/2021 đến 22/4/2021 là 84 ngày x 4.75%=21.632.877 đồng;

Như vậy, tổng tiền lãi phạt phát sinh theo theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006C18/BBD ngày 20/06/2018 tổng cộng là 108.419.178 đồng. Số tiền lãi bị đơn đã thanh toán là: 450.685 đồng. Số lãi cần phải thanh toán theo hợp đồng tính đến ngày 22/04/2021 là 107.968.493 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng).

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp: Nguyên đơn yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 042TT18 ngày 29/01/2018, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 043TC18 ngày 17/01/2018 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329TC18 ngày 20/06/2018 bao gồm các tài sản bảo đảm sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV588092, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp ngày 03/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N, tọa lạc tại 23/30/23C đường số 21, phường 8, quận G, thành phố H;

- Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số 51A-680.43;

- Xe ô tô con nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51 A-453.73;

- Máy móc thiết bị bao gồm: 01 dây chuyền sản xuất cà phê Capsule, 01 dây chuyền sản xuất cà phê phin giấy, 01 máy rang cà phê tự động, 02 máy cấp liệu, 01 máy xay cà phê tự động, 06 băng chuyền tải tự động.

Xét thấy, giữa Ngân hàng T và người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam, ông Huỳnh Thống N, bà Vũ Thái T đã ký kết các hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết khi có đủ năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng thế chấp này đều có giá trị pháp lý và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Đồng thời tại bản tự khai ngày 14/9/2020, ông Huỳnh Thống N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định thống nhất về nội dung các hợp đồng thế chấp nêu trên và đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Do đó, trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: thửa đất số 18, tờ bản đồ số 158, tọa lạc tại số 23/30/23C, đường số 21, phường 8, quận G, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BV 588092, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp ngày 03/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N và bà Vũ Thái T và máy móc thiết bị bao gồm dây chuyền sản xuất cà phê theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329TC18 ký ngày 20/6/2018; xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số 51A-680.43 và xe ô tô con nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51A-453.73 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 043TC18 ngày 17/01/2018 để xử lý phát mãi theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi toàn bộ số nợ trên.

[6] Về tài sản thế chấp: Ngay sau khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ phải thanh toán cho nguyên đơn thì nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BV 588092, do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N và bà Vũ Thái T.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số 51A-680.43 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2017 cho ông Huỳnh Thống N.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe con nhãn hiệu nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51 A-453.73 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 cho ông Huỳnh Thống N.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát là có căn cứ và phù hợp.

[8] Về án phí kinh doanh Tổng mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh Tổng mại sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[9] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã được thanh toán, quyết toán xong khoản tiền này tại Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 40, Điều 147, 157, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 183/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam về việc: “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 9.480.605.753 đồng (Chín tỷ bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 7.499.017.600 đồng (bảy tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu không trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng).

- Lãi trong hạn là 1.591.888.980 đồng (một tỷ năm trăm chín mươi một triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm tám mươi đồng);

- Lãi chậm trả là 389.699.173 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn một trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày 23/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001A19/HM ký ngày 04/01/2019; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 002A19/TL ngày 04/01/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số 005A18/HM ngày 29/01/2018; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 006C18/BBD ngày 20/06/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/006C18/BBD ngày 21/6/2018 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam và Ngân hàng T - Chi nhánh B.

2. Trường hợp Bản án có hiệu lực thi hành, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam không thanh toán được khoản nợ trên, thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 158, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV588092, sổ vào sổ CH05350, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp ngày 03/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N, quyền sử dụng đất tọa lạc tại 23/30/23C đường số 21, phường 8, quận G, thành phố H.

- Máy móc thiết bị gồm 01 dây chuyền sản xuất cà phê Capsule, 01 dây chuyền sản xuất cà phê phin giấy, 01 máy rang cà phê tự động, 02 máy cấp liệu, 01 máy xay cà phê tự động, 06 băng chuyền tải tự động.

- Xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số 51A-680.43;

- Xe ô tô con nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51 A-453.73;

(Các tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 042TT18 ngày 29/01/2018; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 329TC18 ngày 20/06/2018; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 043TC18 ngày 17/01/2018 giữa Ngân hàng T và Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam, ông Huỳnh Thống N, bà Vũ Thái T).

3. Ngân hàng T có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BV 588092, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp ngày 03/10/2014 cho ông Huỳnh Thống N và bà Vũ Thái T ngay khi phía Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe con nhãn hiệu MAZDA 3BVSP, biển số 51A-680.43, số 308686 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2017 cho ông Huỳnh Thống N;

- Giấy chứng nhận đăng ký xe con nhãn hiệu nhãn hiệu MERCEDES-BENZ E420, biển số 51 A-453.73, số 292807 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2018 cho ông Huỳnh Thống N.

4. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam phải nộp 117.480.605 đồng tiền án phí kinh doanh Tong mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 58.273.877 đồng (năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0047920 ngày 24/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn đã nộp và thanh toán xong toàn bộ chi phí này.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA;VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

